

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HS-ST  
Ngày 29 – 8 – 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Khắc Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Liễu
2. Bà Phùng Thị Tố Trinh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Hải Biển- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:***  
Ông Nay Gơm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở UBND xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2019/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

**Nay Y L**, sinh năm 1988, tại huyện S, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Buôn C (Buôn T cũ), xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ksor Y S và mẹ Nay H (đã chết); có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22 tháng 8 năm 2019 giam liên tục cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

***- Nguyên đơn dân sự:*** Ban quản lý rừng phòng hộ N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thi T – Trưởng ban Ban quản lý rừng phòng hộ N;

Địa chỉ: Làng N, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai

***- Người đại diện theo ủy quyền:*** ông Nguyễn Văn D- Phó ban Ban quản lý rừng phòng hộ N.

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai*: Ông Nay Dăm T, sinh năm 1986

Chỗ ở: Tổ dân phố V, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ ngày 16/02/2019 lực lượng Ban quản lý rừng phòng hộ N tuần tra, kiểm soát địa bàn tại lô 4, khoảnh 4, tiểu khu 1419 thuộc địa bàn xã I, huyện K do Ban quản lý rừng phòng hộ N quản lý. Phát hiện Nay Y L đang dùng cưa xăng, dao rựa chặt hạ cây gỗ rừng tự nhiên trái phép để làm nương rẫy với diện tích rừng bị phá là 13.000m<sup>2</sup> rừng loại rừng sản xuất, trạng thái rừng thường xanh phục hồi tại tại lô 4, khoảnh 4, tiểu khu 1419. Ban quản lý rừng phòng hộ N đã báo cáo và chuyển hồ sơ đến Hạt kiểm lâm huyện K. Hạt kiểm lâm huyện K đã khởi tố vụ án hình sự, chuyển vụ án đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để xử lý theo thẩm quyền.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và đối chiếu bản đồ quy hoạch 03 loại rừng hiện trạng theo Nghị quyết 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai xác định: Diện tích rừng bị phá trái pháp luật là 13.000m<sup>2</sup> tại lô 4, khoảnh 4, tiểu khu 1419 loại rừng sản xuất, trạng thái rừng thường xanh phục hồi. Tại hiện trường phát hiện lượng cây bị chặt hạ chủ yếu bằng rựa, cưa xăng, hình thức chặt trắng, cây còn nằm ngổn ngang. Lâm sản bị thiệt hại trên diện tích rừng bị chặt phá gồm gỗ tròn nhóm II-VIII có khối lượng 17,316m<sup>3</sup>, củi nhóm II-VIII có khối lượng 1,68 Ster.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 24/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện K xác định thiệt hại về lâm sản là 22.651.000 đồng, thiệt hại về môi trường rừng là 8.833.890 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 31.484.890 đồng (*Ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi đồng*).

Về dân sự: ông Nguyễn Văn D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng phòng hộ N đề nghị xử lý hành vi của bị cáo đúng theo quy định của pháp luật nhưng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại đã gây ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 24/KSĐT ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nay Y L về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nay Y L vào tội “Hủy hoại rừng”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của BLHS: xử phạt bị cáo Nay Y L từ 18 đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 của BLHS; Điều 137, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự : buộc bị cáo Nay Y L phải bồi thường cho Nguyên đơn dân sự là Ban quản lý rừng phòng hộ N là 31.484.890 đồng nhưng được trừ đi 6.000.000đ bị cáo đã bồi thường, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là 25. 484.890 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 dao rựa, còn 01 cưa xăng tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

*[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:*

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:*

Trong 02 ngày 15 và 16 tháng 02 năm 2019, bị cáo Nay Y L đã có hành vi dùng dao rựa, và cưa xăng cắt hạ, chặt phá, phát dọn cây rừng tự nhiên với diện tích 13.000m<sup>2</sup> rừng tại lô 4 khoảnh 4 tiểu khu 1419 thuộc quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ N, thuộc loại rừng sản xuất để lấy đất làm rẫy gây thiệt hại về lâm sản 22.651.000 đồng, thiệt hại về môi trường rừng là 8.833.890 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 31.484.890 đồng (Ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi đồng).

Việc bị cáo Nay Y L dùng dao rựa, cưa xăng chặt phá diện tích 13.000m<sup>2</sup> rừng tại lô 4 khoảnh 4 tiểu khu 1419 thuộc quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ N, thuộc loại rừng sản xuất để lấy đất làm rẫy mà không có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền là đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng”. Diện tích rừng mà bị cáo Nay Y L chặt phá là 13.000m<sup>2</sup> đã thỏa mãn định mức được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của BLHS nên Hạt

kiểm lâm huyện K đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 02 về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại Điều 243 Bộ luật hình sự và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K điều tra theo thẩm quyền là đúng luật định. Như vậy, Hành vi phạm tội của bị cáo rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra.

Lời nhận tội của bị cáo L tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo phạm vào tội “Hủy hoại rừng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh trên là có căn cứ pháp luật.

*[3] Về tình tiết định khung hình phạt:* Hành vi của bị cáo L chặt phá 13.000m<sup>2</sup> rừng không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở điểm đ khoản 2 Điều 243 của BLHS là phù hợp.

*[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:*

Bị cáo Nay Y L là người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là chặt phá rừng lấy đất làm nương rẫy đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài nguyên rừng của quốc gia đang được Nhà nước và nhân dân quan tâm chăm sóc và bảo vệ. Nay cần xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là điều cần thiết.

Trong vụ án này thì bị cáo L một mình trực tiếp thực hiện hành vi chặt phá, hủy hoại diện tích rừng rất lớn, nên bị cáo L phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự về tội “Hủy hoại rừng” theo tình tiết định khung quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của BLHS. Nhưng bị cáo L là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại phiên tòa bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, thật sự có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường một phần thiệt hại cho Nguyên đơn dân sự, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Mặt khác, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng sâu, vùng xa, có sự nhận thức hạn chế về pháp luật, không được đi học, do thiếu đất sản xuất nên đi chặt phá rừng với mục đích là lấy đất làm nương rẫy phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Ngoài ra tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho Nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây được coi là các tình tiết giảm nhẹ khác được áp dụng cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thì HĐXX thấy bị cáo Nay Y L lần đầu thực hiện hành vi phạm tội một mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng sâu, vùng xa, có sự nhận thức hạn chế về pháp luật, không được đi học nên không biết hành vi chặt phá rừng lấy đất làm nương rẫy là vi phạm pháp luật, do thiếu đất sản xuất nên phá rừng chỉ với mục đích

là lấy đất trồng lúa, ngô phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của cuộc sống; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, đồng thời bị cáo L có từ 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS nên có đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của BLHS cho bị cáo hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định thuộc trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật là có căn cứ pháp lý. Tuy nhiên vẫn cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng giúp cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời qua đó răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn trên địa bàn.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Người đại diện theo pháp luật của Nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng phòng hộ N yêu cầu bị cáo L phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về gỗ củi bị chặt phá và thiệt hại về môi trường với tổng cộng số tiền 31.484.890 đồng (Ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi đồng) là có căn cứ. Do đó, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho Nguyên đơn dân sự toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền là 31.484.890 đồng, nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã giao nộp để bồi thường trước đó là 6.000.000 đồng, bị cáo L còn phải tiếp tục bồi thường cho Nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng phòng hộ N là 25.484.890 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi đồng).

[6] *Về xử lý vật chứng:*

01 (Một) dao rựa cán dao được làm bằng gỗ hình trụ tròn, lưỡi dao được làm bằng kim loại, mũi dao cong dài 25cm không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

01 (Một) cửa xăng màu sơn cam trắng, nhãn hiệu Japan 036, có lam và lưỡi cửa gắn kèm theo máy, tình trạng máy đã cũ có giá trị nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Do bị cáo L thuộc diện hộ nghèo, không có nghề nghiệp và tài sản gì có giá trị cho nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] *Về án phí:* bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Trong vụ án này, Nguyên đơn dân sự là Ban quản lý rừng phòng hộ N cũng có một phần trách nhiệm, thiếu kiểm tra, kiểm soát đối với diện tích rừng được Nhà nước giao quản lý, bảo vệ để xảy ra tình trạng huỷ hoại rừng diễn ra trong một thời gian dài, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước. Do đó, thông qua Bản án này, Hội đồng xét xử kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm Ban quản lý rừng phòng hộ N trong việc để xảy ra tình trạng huỷ hoại rừng, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước nêu trên.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nay Y L phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nay Y L 20 (*Hai mươi*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 22 tháng 8 năm 2019.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 137, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Nay Y L phải bồi thường cho Nguyên đơn dân sự là Ban quản lý rừng phòng hộ N toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền là 31.484.890 đồng, nhưng được trừ vào số tiền bị cáo đã giao nộp để bồi thường là 6.000.000 đồng, bị cáo L còn phải tiếp tục bồi thường cho Nguyên đơn dân sự là Ban quản lý rừng phòng hộ N là 25.484.890 đồng (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo Khoản 2 Điều 468 của BLDS tương ứng với thời gian của số tiền còn phải thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (*Một*) dao rựa cán dao được làm bằng gỗ hình trụ tròn, lưỡi dao được làm bằng kim loại, mũi dao cong dài 25cm.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (*Một*) cửa xăng màu sơn cam trắng, nhãn hiệu Japan 036, có lam và lưỡi cửa gắn kèm theo máy, tình trạng máy đã cũ.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nay Y L phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.274.245 đồng (*Một triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/8/2019) để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Krông Pa;
- Công an huyện Krông Pa;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Chi cục THADS h.Krông Pa;
- Lưu HS vụ án, THA hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Đỗ Khắc Toàn**